

Thang đo sức mạnh thị trường



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

12 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,269.09	1.04	1.33	51.93
HNX	282.33	0.92	-4.47	152.58
UPCOM	81.47	0.49	-3.13	51.91
MSCI EM	1,329.08	-1.28	0.51	46.16
NIKKEI	28,147.51	-1.61	-4.71	38.21
HANG SENG	28,231.04	0.78	-0.78	16.44
KOSPI	3,161.66	-1.49	0.83	64.48
FTSE	6,982.67	0.50	1.36	16.48
S&P 500	4,152.10	-0.87	0.58	44.67
NASDAQ	13,389.43	-0.09	-3.33	48.73

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.32	2.57	15.04
SET INDEX	35.61	1.71	4.79
JCI INDEX	26.71	1.51	4.44
PCOMP INDEX	26.76	1.54	6.04

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.14	0	-1	-90
10 năm	2.36	0	-5	-54

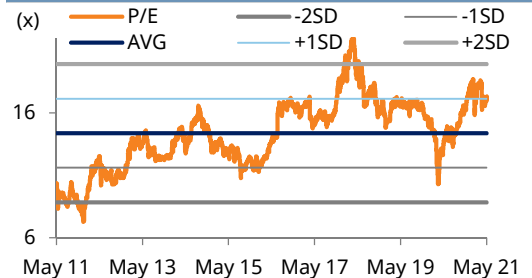
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,057	-0.03	0.00	1.17
US\$/KRW	1,125	-0.44	0.02	8.91
US\$/JPY	109	-0.14	0.56	-1.50
US\$/EUR	0.82	0.13	-1.81	-10.58
US\$/GBP	0.71	0.04	-2.78	-13.28
US\$/SGD	1.33	-0.23	0.95	6.72

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	891	802	400
HNX	99	108	52
UPCOM	36	39	25

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Trái ngược với xu hướng chung trong khu vực, VN-Index lập đỉnh mới

Bất chấp tin tức về dịch bệnh trong nước, cũng như áp lực bán tháo của nhà đầu tư trong khu vực và thế giới, VN-Index tiếp tục xác lập vùng đỉnh lịch sử khi đóng cửa ở mốc 1,269 điểm (+1,04% DoD) ghi nhận mức tăng hơn 13 điểm.

Hỗ trợ tích cực ở chiều tăng điểm có sự đóng góp của TCB và GVR khi mà 2 mã này lần lượt đóng góp 2,1 điểm và 1,9 điểm vào chiều tăng của VN-Index. Ở chiều ngược lại, VIC và VCB là 2 mã tác động 1,1 điểm và 0,6 điểm ở chiều giảm điểm.

Diễn biến giao dịch của Sacombank (STB) thu hút nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư khi mà cổ phiếu này đóng cửa ở mức cao nhất lịch sử 26,350 đồng/ cổ phiếu, khối lượng khớp lệnh ở mức hơn 59 triệu cổ phiếu.

Còn với diễn biến giao dịch của khối ngoại, nhóm này vẫn tiếp tục duy trì vị thế bán ròng của mình với giá trị đạt hơn 576 tỷ trên cả 2 sàn HSX và HNX. HPG và NVL là 2 mã chịu áp lực bán ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt đạt 229 tỷ và 142 tỷ. Ở chiều ngược lại, VPB là mã mua ròng mạnh nhất với giá trị đạt hơn 156 tỷ.

Với diễn biến tạo lập đỉnh mới của VN-Index đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index được cải thiện một cách tích cực từ mức đánh giá +2 điểm TRUNG TÍNH lên mức đánh giá +5 điểm KHẢ QUAN.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-6	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

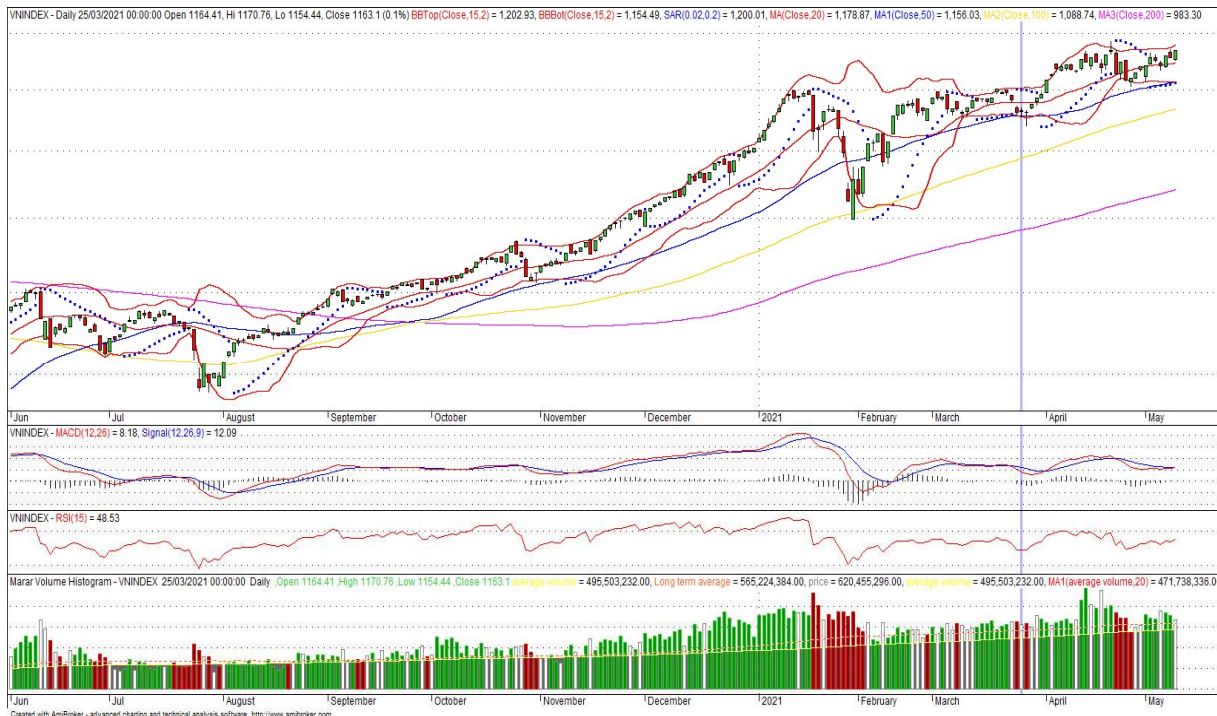
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (12/05/2021)	1.269	Kháng cự 1 1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.150

VN-Index xác lập mức đỉnh lịch sử khối lượng vẫn duy trì ở mức cao

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

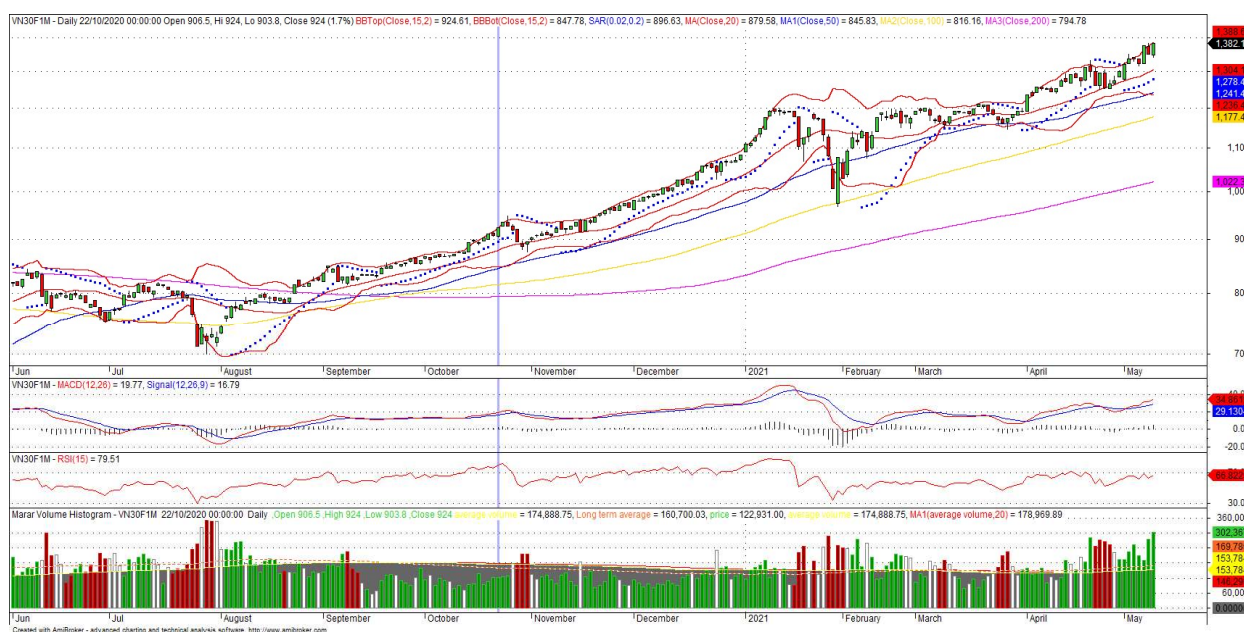
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (12/05/2021)	1.382	Kháng cự 1	1.400
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.450
VN30 - đóng cửa	1.380	Hỗ trợ 1	1.300
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+1,9	Hỗ trợ 2	1.250

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	=3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	+5	KHẢ QUAN

Xóa bỏ phiên giảm điểm trước đó VN30F1M xác lập mức đỉnh mới

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.8	5,123,095	-4	TIÊU CỰC	3,504	11.3	1.0
ACB	36.15	9,261,530	6	KHẢ QUAN	78,140	9.1	2.1
AMD	6.75	12,168,245	-4	TIÊU CỰC	1,104	44.9	0.6
ART	10	7,189,760	0	TRUNG TÍNH	969	37.1	0.9
BID	42.65	3,167,575	5	KHẢ QUAN	171,539	20.8	2.2
BSR	15.9	12,042,065	4	KHẢ QUAN	49,298	#N/A N/A	1.6
BVH	56.8	998,275	0	TRUNG TÍNH	42,164	22.3	2.1
CEO	9.9	4,676,495	0	TRUNG TÍNH	2,548	#N/A N/A	0.9
CII	21.15	2,418,010	3	TRUNG TÍNH	5,051	380.1	1.1
CTD	59.7	584,475	0	TRUNG TÍNH	4,435	17.8	0.5
CTG	45	17,610,110	7	KHẢ QUAN	167,553	9.4	1.8
CTR	80.3	504,510	-4	TIÊU CỰC	5,764	20.6	5.4
DBC	57.9	1,819,930	7	KHẢ QUAN	6,066	4.2	1.3
DCM	16.65	2,653,335	1	TRUNG TÍNH	8,815	14.8	1.4
DGC	69.9	847,170	5	KHẢ QUAN	11,959	12.7	2.9
DGW	125.7	329,585	7	KHẢ QUAN	5,405	16.4	4.3
DIG	28.15	3,658,355	5	KHẢ QUAN	9,862	12.9	2.1
DLG	3.05	12,128,440	-4	TIÊU CỰC	913	#N/A N/A	0.4
DXG	24.65	7,886,065	5	KHẢ QUAN	12,776	#N/A N/A	1.9
EIB	25.35	1,353,240	-6	TIÊU CỰC	31,166	35.6	1.8
FIT	10.35	4,182,595	-2	TRUNG TÍNH	2,636	38.7	0.9
FLC	11.55	33,508,710	-2	TRUNG TÍNH	8,200	6.0	0.9
FPT	85.4	2,426,480	6	KHẢ QUAN	67,390	18.1	4.0
FRT	27.3	1,211,155	-2	TRUNG TÍNH	2,156	114.7	1.7
GAS	86.4	943,445	7	KHẢ QUAN	165,365	21.9	3.3
GEX	26.25	5,496,965	-4	TIÊU CỰC	12,816	12.5	1.8
GMD	37.65	2,534,005	7	KHẢ QUAN	11,347	30.2	1.9
GVR	27	3,286,210	5	KHẢ QUAN	108,000	24.7	2.3
HAG	5.6	12,012,890	-1	TRUNG TÍNH	5,193	#N/A N/A	1.1
HAH	28	1,400,625	7	KHẢ QUAN	1,327	10.2	1.2
HAI	4.82	8,244,815	-4	TIÊU CỰC	881	95.6	0.4
HBC	16	5,246,380	1	TRUNG TÍNH	3,694	41.7	1.0
HCM	33.8	4,321,625	7	KHẢ QUAN	10,310	13.7	2.2
HDB	30.2	6,252,625	4	KHẢ QUAN	48,132	9.8	2.0
HDG	41.85	976,505	6	KHẢ QUAN	6,456	5.9	1.9
HNG	11.5	12,671,800	-2	TRUNG TÍNH	12,748	489.8	1.5
HPG	62.7	28,151,444	2	TRUNG TÍNH	207,743	11.5	3.1
HQC	3.6	25,239,376	-2	TRUNG TÍNH	1,716	240.7	0.4
HSG	38.1	13,618,100	2	TRUNG TÍNH	16,940	7.2	2.1
HUT	6.2	5,521,590	-2	TRUNG TÍNH	1,666	#N/A N/A	0.6
IDC	35.3	2,441,245	5	KHẢ QUAN	10,590	33.8	2.9
IJC	26.4	2,483,985	4	KHẢ QUAN	5,731	8.6	1.7
ITA	7.43	19,823,790	-2	TRUNG TÍNH	6,972	33.5	0.6
KBC	36.4	5,475,965	-4	TIÊU CỰC	17,099	22.2	1.7
KDC	51.2	1,177,465	0	TRUNG TÍNH	11,712	38.1	2.0
KDH	37.1	4,963,590	7	KHẢ QUAN	20,732	17.3	2.5
KLF	5.3	13,193,365	-4	TIÊU CỰC	876	#N/A N/A	0.5
KSB	28.3	1,350,795	4	KHẢ QUAN	1,886	7.5	1.2
LCG	13.4	2,644,665	7	KHẢ QUAN	1,544	4.3	0.9
LDG	7.38	8,359,820	-2	TRUNG TÍNH	1,767	160.4	0.6
LPB	22.2	16,716,080	7	KHẢ QUAN	23,857	10.6	1.6
MBB	33.2	19,011,870	6	KHẢ QUAN	92,919	9.2	1.8

MBS	26.5	1,713,975	7	KHẢ QUAN	4,354	12.7	2.0
MSN	104	3,299,235	5	KHẢ QUAN	122,167	81.2	7.6
MWG	139.5	1,195,265	-4	TIÊU CỰC	66,323	15.4	3.8
NKG	31.9	5,899,100	4	KHẢ QUAN	5,487	9.6	1.6
NLG	39.65	2,410,510	5	KHẢ QUAN	11,311	9.9	1.7
NVB	16.8	5,412,115	-4	TIÊU CỰC	6,834	5,638.9	1.6
NVL	130	2,845,080	-2	TRUNG TÍNH	139,712	31.1	4.4
PDR	72.6	3,784,725	-4	TIÊU CỰC	35,340	26.9	6.6
PET	22.5	1,835,950	7	KHẢ QUAN	1,880	12.2	1.2
PHR	54.7	742,020	5	KHẢ QUAN	7,412	7.7	2.3
PLX	53.3	1,592,180	6	KHẢ QUAN	66,295	18.3	2.8
PNJ	95.8	654,335	-4	TIÊU CỰC	21,782	19.3	3.8
POW	12.45	13,799,975	-2	TRUNG TÍNH	29,156	12.0	1.0
PVD	21.1	5,644,135	5	KHẢ QUAN	8,886	137.2	0.6
PVS	22.2	8,316,865	5	KHẢ QUAN	10,611	16.1	0.9
PVT	16.85	2,899,175	2	TRUNG TÍNH	5,454	7.4	1.1
REE	55.3	666,935	4	KHẢ QUAN	17,091	9.6	1.4
ROS	7.04	42,110,904	-2	TRUNG TÍNH	3,996	219.6	0.7
S99	21.2	1,786,040	-6	TIÊU CỰC	1,111	5.4	1.4
SBT	21.45	3,014,380	5	KHẢ QUAN	13,238	19.0	1.7
SCR	8.17	5,842,900	-2	TRUNG TÍNH	2,993	16.9	0.6
SHB	23.7	19,891,296	-4	TIÊU CỰC	45,636	13.7	1.8
SHI	24.7	1,473,160	-2	TRUNG TÍNH	2,250	29.6	2.0
SHS	29.9	8,260,090	5	KHẢ QUAN	6,197	6.3	1.7
SMC	39.55	916,910	5	KHẢ QUAN	2,410	4.8	1.4
SSI	34.8	13,442,950	7	KHẢ QUAN	22,476	12.5	2.0
STB	26.35	44,790,904	7	KHẢ QUAN	47,526	17.6	1.6
TCB	49.25	16,149,815	7	KHẢ QUAN	172,617	12.1	2.2
TCH	22.3	5,995,600	0	TRUNG TÍNH	8,350	8.7	1.5
TIG	15.2	2,316,960	4	KHẢ QUAN	1,382	16.0	1.3
TLH	19	3,204,420	3	TRUNG TÍNH	1,912	25.1	1.2
TNG	21.1	1,695,835	-2	TRUNG TÍNH	1,678	11.2	1.4
TPB	31.95	6,338,925	7	KHẢ QUAN	32,961	8.4	1.8
TSC	13.4	4,315,760	7	KHẢ QUAN	1,978	117.5	1.2
TTF	7.19	7,358,055	2	TRUNG TÍNH	2,238	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	97.3	2,046,870	-6	TIÊU CỰC	360,874	17.0	3.6
VCI	71	1,738,045	7	KHẢ QUAN	11,758	12.4	2.4
VHC	38.2	852,420	5	KHẢ QUAN	6,950	10.0	1.3
VHM	97.7	5,984,510	-4	TIÊU CỰC	321,386	12.4	3.5
VIB	61.6	953,475	5	KHẢ QUAN	68,338	13.1	3.5
VIC	129.8	2,502,585	-7	TIÊU CỰC	439,039	59.7	5.4
VIX	28.55	8,448,285	-5	TIÊU CỰC	3,646	5.4	1.8
VJC	119	555,195	-4	TIÊU CỰC	64,452	52.7	4.3
VND	41.6	6,537,705	5	KHẢ QUAN	8,924	7.7	2.0
VNM	91.8	4,809,110	0	TRUNG TÍNH	191,858	19.6	6.1
VPB	64	19,821,370	7	KHẢ QUAN	157,104	13.8	2.8
VPI	34	1,354,145	-7	TIÊU CỰC	6,800	22.3	2.5
VRE	31.2	7,355,155	-2	TRUNG TÍNH	70,896	26.5	2.4

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Lo ngại liên quan giá hàng hóa tăng, Phố Wall bị bán mạnh

Dow Jones giảm 473,66 điểm, tương đương 1,36%, xuống 34.269,16 điểm. S&P 500 giảm 36,33 điểm, tương đương 0,87%, xuống 4.152,1 điểm. Nasdaq giảm 12,43 điểm, tương đương 0,09%, xuống 13.389,43 điểm. Trong số 11 lĩnh vực chính thuộc S&P 500, chỉ vật liệu chốt phiên trong sắc xanh. Năng lượng giảm sâu nhất, mất 2,6%. Chỉ số CBOE VIX, thước đo sự sợ hãi trên Phố Wall, đóng cửa ở 21,85 điểm, cao nhất kể từ ngày 11/3. “Sự suy yếu trong công nghệ cuối cùng cũng lan sang các lĩnh vực khác trên thị trường”, Ryan Detrick, chiến lược gia thị trường cấp cao tại LPL Financial, Charlotte, bang North Carolina, nói. Số liệu kinh tế do Bộ Lao động Mỹ công bố ngày 11/5 cho thấy số việc làm cần lấp đầy tại các công ty Mỹ cao kỷ lục trong tháng 3, càng phản ánh tình trạng thiếu lao động sau báo cáo việc làm gây thất vọng hôm 7/5.

Kim ngạch xuất khẩu cao su 4 tháng đầu năm tăng hơn 111%

Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn thông tin kim ngạch xuất khẩu cao su ước đạt 143 triệu USD, tương đương 80.000 tấn trong tháng 4. Tính chung 4 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu cao su ước đạt 817 triệu USD, tương đương 486.000 tấn, tăng hơn 111% về giá trị và tăng gần 80% về sản lượng. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 4 ước đạt gần 159 triệu USD, tương đương 90.000 tấn. Theo đó, Việt Nam nhập khẩu gần 845 triệu USD, tương đương 594.900 tấn trong 4 tháng đầu năm, tăng lần lượt 127% và 144% so với cùng kỳ 2020. Cũng theo Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, giá mủ cao su thiên nhiên dạng nước tại Đồng Nai trong tháng 4 tăng nhẹ, từ mức 9.500 đồng/kg lên 10.500 đồng/kg. Giá mủ cao su ở Đông Nam Bộ được thương lái thu mua ở mức 315-325 đồng/độ mủ. Giá mủ SVR trong nước từ Tết Nguyên đán đến nay không có nhiều biến động.

TP. HCM xin nâng tỷ lệ ngân sách được giữ lại lên 23%

Theo đó, UBND TP. HCM cho biết, tỷ lệ ngân sách thành phố được giữ lại hiện nay đang là khó khăn, thách thức đối với thành phố. Cụ thể, TP. HCM là địa phương có tỷ lệ đóng góp ngân sách lớn nhất cả nước (khoảng 27%) nhưng tỷ lệ tổng chi ngân sách trên tổng thu ngân sách trên địa bàn thấp nhất cả nước. Cụ thể, từ năm 2017, tỷ lệ phân chia nguồn thu cho ngân sách của TP. HCM đã giảm từ 23% xuống còn 18%. Trong khi đó, nhu cầu vốn để chi đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và nhu cầu kinh phí để đảm bảo các chính sách, chế độ ngày càng tăng cao, gây áp lực cho ngân sách thành phố.

HAG: muốn mua lại trái phiếu trước hạn tại HDBank

HĐQT Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, [HoSE: HAG](#)) vừa thông qua việc mua lại trước hạn một phần trái phiếu do công ty phát hành. Đây là trái phiếu có giá trị 930 tỷ đồng được phát hành ngày 29/12/2016 (mã trái phiếu: 930 HAGL 2016). Trái chủ chính là HDBank theo hợp đồng đặt mua và hoán đổi trái phiếu ký ngày 29/12/2016 giữa 2 bên. HĐQT ủy quyền Tổng giám đốc Võ Trường Sơn quyết

định số lượng và thời điểm mua lại trái phiếu, triển khai việc ký kết các hợp đồng, văn bản, tài liệu, chứng từ có liên quan đến giao dịch. HAGL đang rất tích cực cơ cấu lại các khoản nợ vay, khi đã giảm 9.393 tỷ đồng chỉ trong quý đầu năm do không còn hợp nhất báo cáo với HAGL Agrico. Dù vậy, công ty vẫn còn lượng dư nợ rất lớn trên 8.700 tỷ đồng, chủ yếu là nợ trái phiếu với giá trị 7.200 tỷ đồng

PTL: lỗ 2 quý liên tiếp

Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - [HoSE: PTL](#)) công bố kết quả kinh doanh quý I với doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu thuần giảm 20% còn gần 11 tỷ đồng từ hoạt động dịch vụ, không có doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản trong quý I. Giá vốn hàng bán giảm 22% xuống 9,8 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 6,7% lên 8,4%. Doanh thu tài chính đến từ lãi tiền gửi giảm 28%, còn 2,6 tỷ đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 30% lên 6,9 tỷ đồng. Công ty ghi nhận lỗ cổ đông công ty mẹ khoảng 3 tỷ đồng. Như vậy, Petroland đã lỗ 2 quý liên tiếp, quý IV/2020 lỗ 784 triệu đồng

BDT: Nhà nước sắp thoái hơn 41% vốn thông qua khớp lệnh

UBND tỉnh Đồng Tháp vừa thông báo phương án chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp ([UPCoM: BDT](#)). Theo đó cơ quan này đăng ký bán khớp lệnh hơn 16 triệu cổ phiếu BDT, tương đương với 41,49% vốn điều lệ từ ngày 13/5 đến 11/6. Hiện Nhà nước đang sở hữu gần 35,7 triệu cổ phiếu trước giao dịch, tỷ lệ 92,49%. Trên thị trường cổ phiếu DBT đang có giá 26.000 đồng/cp, tăng 74% trong năm gần nhất với thanh khoản bình quân chỉ 10.000 cp/phiên. Tạm tính theo thị giá này, số tiền UBND tỉnh Đồng Tháp có thể thu về khoảng 416 tỷ đồng

KBC: vay hơn nghìn tỷ đồng từ công ty con

Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc ([HoSE: KBC](#)) vừa thông qua việc vay vốn công ty con là CTCP Tập đoàn đầu tư và Phát triển Hưng Yên nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là khoản vay tín chấp và lãi suất theo thỏa thuận tại từng hợp đồng vay, tiền lãi thanh toán 1 lần khi tất toán các khoản vay. Hạn mức khoản vay là 1.080 tỷ đồng, có thể giải ngân nhiều lần tương ứng với từng hợp đồng vay vốn cụ thể cho đến khi giải ngân hết hạn mức. Thời hạn khoản vay tối đa là 2 năm kể từ khi ban hành nghị quyết. Vào giữa tháng 2 vừa qua, Kinh Bắc thông báo thành lập CTCP Tập đoàn Đầu tư Phát triển Hưng Yên với vốn điều lệ 1.800 tỷ đồng. Trong đó Kinh Bắc góp 1.080 tỷ đồng để nắm giữ 60% vốn, CTCP Khu công nghiệp Sài Gòn Hải Phòng (do Kinh Bắc sở hữu 86,5% vốn) góp 180 tỷ đồng để sở hữu 10% cổ phần và Saigontel (do Kinh Bắc sở hữu 21,5%) tham gia góp 30% vốn.

BMP: chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 14,8%

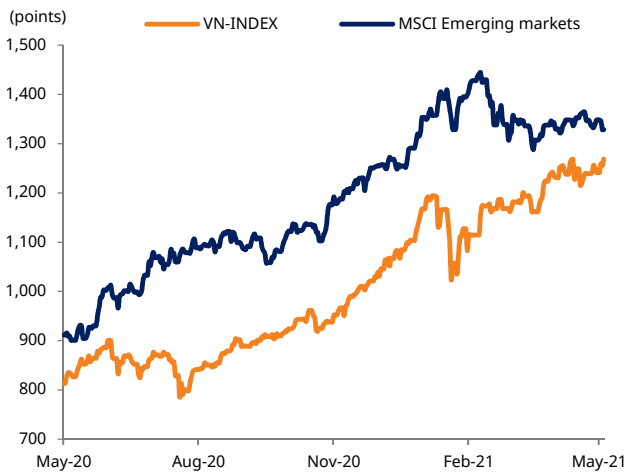
Nhựa Bình Minh ([HoSE: BMP](#)) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chia cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền mặt 14,8% (1 cổ phiếu được nhận 1.480 đồng). Với gần 82 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 121 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 18/5 và thời gian thanh toán là 4/6. Năm ngoái, Nhựa Bình Minh ghi nhận doanh thu đạt 4.700 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 523 tỷ đồng, lần lượt tăng 8% và 24% so với thực hiện năm trước. Kết quả khả quan này là nhờ hưởng lợi giá nguyên liệu nhựa thấp trong quý đầu năm, cùng với hàng loạt giải pháp của bộ phận quản lý thị trường để đạt biên lợi nhuận tốt hơn

D2D chốt danh sách cổ đông trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền tỷ lệ 20%

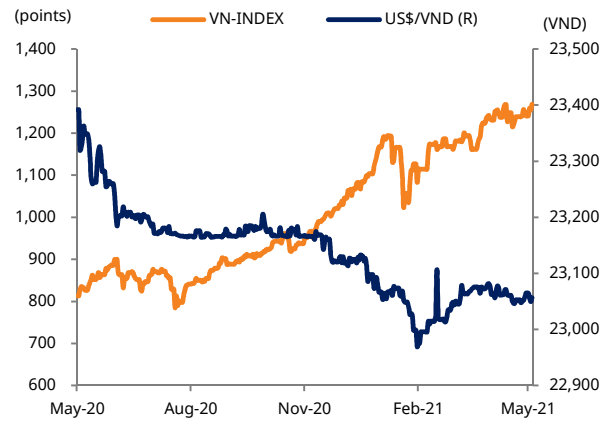
Ngày 24/5 tới đây CTCP Phát triển đô thị công nghiệp số 2 (mã chứng khoán D2D) sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền. Tỷ lệ chi trả 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 2.000 đồng. Thời gian thanh toán 10/6/2021. Như vậy với hơn 30 triệu cổ phiếu đang lưu hành, D2D sẽ chi khoảng 60 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Kết quả kinh doanh, theo báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, D2D đạt 357 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm hơn nửa so với năm 2019. Tuy nhiên nhờ giá vốn giảm, cộng với đó là khoản doanh thu tài chính gần 142 tỷ đồng (tăng 92 tỷ đồng so với cùng kỳ), dẫn đến lợi nhuận trước thuế đạt 337 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 268 tỷ đồng, giảm 27% so với lợi nhuận đạt được năm 2019. EPS đạt 8.262 đồng

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



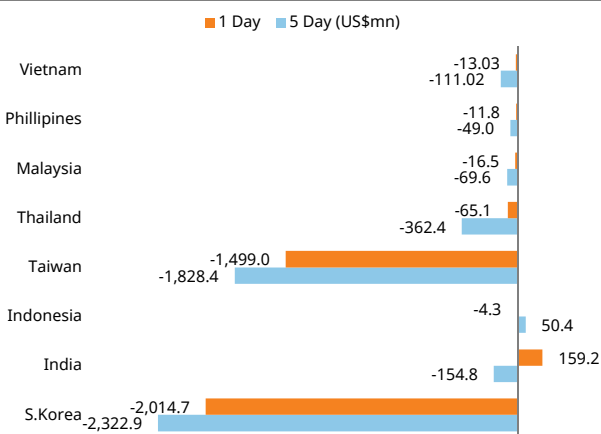
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



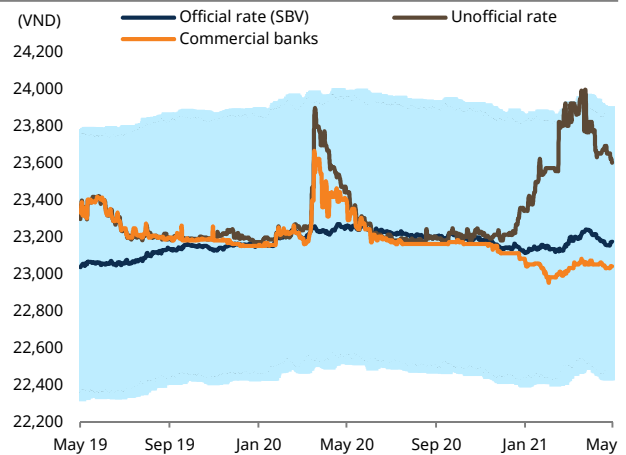
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



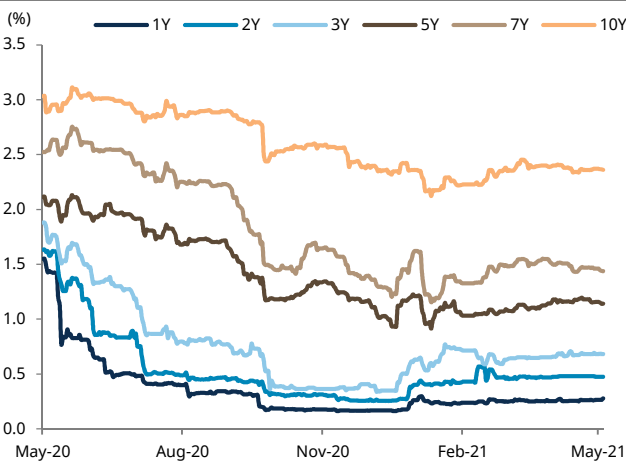
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



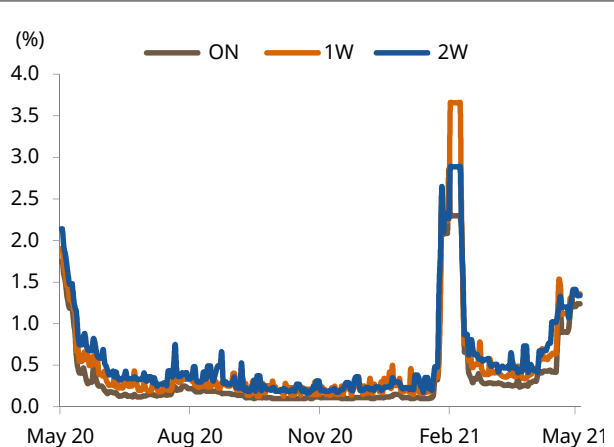
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,380.17	3,353,571		1.5	2.5	8.0	76.4	14.2	11.9	2.6	2.2	9.1	18.9	20.6	20.0
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,650	171,539	16.8	1.3	1.8	-4.7	10.6	17.3	13.1	1.9	1.6	70.3	32.2	12.1	14.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	56,800	42,164	27.3	1.4	0.9	-9.0	14.1	24.4	21.0	2.0	1.9	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	45,000	167,553	25.9	1.8	3.8	4.2	107.9	9.8	8.9	1.7	1.5	24.6	9.8	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	85,400	67,390	49.0	0.2	3.0	4.0	80.5	16.9	14.3	3.7	3.2	22.6	18.2	24.6	25.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	86,400	165,365	2.5	1.3	1.1	-1.7	18.0	16.4	15.7	3.2	2.9	31.0	4.2	19.3	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	30,200	48,132	17.4	0.7	4.0	8.2	119.5	8.8	7.4	1.8	1.5	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	62,700	207,743	29.9	1.1	5.7	22.5	218.1	9.8	8.7	2.6	2.3	65.6	13.1	29.2	26.0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	37,100	20,732	31.9	0.8	1.5	15.6	72.7	17.0	13.0	2.3	2.0	6.1	30.2	14.9	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	33,200	92,919	23.0	1.5	4.7	4.9	124.0	8.9	7.4	1.6	1.3	26.1	19.7	20.0	20.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	104,000	122,167	32.8	2.5	8.3	13.2	67.7	46.5	26.1	6.5	5.2	112.2	78.3	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	139,500	66,323	49.0	1.5	-1.0	3.4	67.5	13.3	10.6	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	130,000	139,712	7.7	1.2	-2.3	36.4	149.5	31.9	25.2	4.2	3.5	2.4	26.7	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	72,600	35,340	2.8	4.5	0.4	18.7	303.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	53,300	66,295	15.9	0.6	4.7	-4.7	17.0	19.9	16.1	2.9	2.7	289.7	24.1	16.6	17.4
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	95,800	21,782	49.0	1.9	-1.2	4.4	50.2	17.5	13.7	3.7	3.1	27.3	27.6	22.7	23.9
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,450	29,156	3.4	1.2	-2.0	-12.6	19.7	13.7	11.5	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,300	17,091	49.0	0.7	4.7	3.2	76.7	9.6	8.1	1.3	1.5	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	21,450	13,238	8.4	6.5	7.5	-4.7	47.9	18.4	NA	1.6	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	34,800	22,476	45.9	1.8	3.6	-4.7	145.1	15.5	14.5	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	26,350	47,526	11.7	6.9	6.7	12.4	171.6	25.4	10.9	1.6	1.4	-16.8	132.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,250	172,617	22.5	4.8	7.2	16.8	139.1	11.1	9.5	1.9	1.6	26.4	16.4	19.0	18.4
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,300	8,350	11.1	0.9	-0.9	-13.9	-4.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	31,950	32,961	30.0	3.1	11.5	9.6	94.7	8.0	6.2	1.6	1.3	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,300	360,874	23.4	-0.6	-3.9	-1.6	28.7	16.9	13.7	3.1	2.6	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	97,700	321,386	22.5	-0.3	-1.9	-4.0	32.9	10.5	8.7	2.8	2.1	11.9	20.4	31.2	28.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	129,800	439,039	14.6	-0.9	-2.9	-1.7	33.8	76.8	51.6	4.7	4.3	-0.1	48.9	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	119,000	64,452	19.0	0.0	-4.4	-9.7	1.4	57.6	20.4	3.8	3.0	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	91,800	191,858	55.2	0.7	-0.2	-8.2	-3.3	18.0	16.4	5.6	5.1	7.2	9.1	34.5	34.9
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	64,000	157,104	22.4	1.6	5.6	30.6	166.1	10.5	10.9	2.4	1.9	42.4	-3.5	24.2	18.7
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,200	70,896	29.9	0.6	-1.3	-11.6	23.6	24.9	19.9	2.3	2.0	19.6	24.9	9.3	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	13.05	4,709,069	1.0	1.0	1.3	51.9	15.4	12.7	2.5	2.2	12.1	22.0	18.7	18.8
Ô tô và phụ tùng	0.04	8,362	1.9	3.4	-1.6	37.9	6.2	5.8	1.2	1.1	32.1	7.3	12.0	11.3
Ngân hàng	5.54	1,539,825	1.4	3.3	7.0	72.2	12.5	10.1	2.1	1.8	32.4	18.5	18.8	18.7
Xây dựng cơ bản	0.49	176,099	1.1	1.2	-4.5	79.8	5.8	4.1	0.4	0.4	5.8	35.8	5.3	6.0
Dịch vụ thương mại	0.01	4,391	0.6	0.3	-6.3	16.2	6.1	4.9	NA	NA	31.9	26.2	11.0	12.9
May mặc và trang sức	0.27	43,081	2.5	1.6	0.7	162.6	13.9	11.4	2.8	2.3	32.0	23.5	19.5	18.9
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	8,383	0.2	-1.1	-11.6	24.6	11.0	3.8	NA	NA	NA	NA	3.5	9.1
Dịch vụ tài chính	0.35	63,241	2.1	6.2	-3.3	135.2	11.2	5.2	0.4	NA	9.6	7.1	9.9	4.6
Năng lượng	0.19	83,560	0.9	5.2	-5.0	30.1	19.9	15.0	2.4	2.3	NA	31.5	14.3	15.1
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.61	508,576	1.2	4.7	-3.6	21.8	23.2	16.3	4.6	4.0	43.4	30.6	22.1	23.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	885	0.5	2.6	-9.3	48.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,895	0.5	2.3	-2.8	-5.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.15	48,939	1.1	4.1	-7.6	13.5	21.7	18.8	1.8	1.7	12.1	15.9	7.7	8.6
Nguyên vật liệu	2.97	446,763	2.6	4.8	11.5	166.7	12.5	12.2	2.0	1.3	50.7	2.1	19.5	17.4
Giải trí và truyền thông	0.00	1,726	0.8	0.9	-11.2	-24.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.04	34,800	1.9	-1.6	-2.1	74.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	0.12	1,205,239	-0.4	-0.3	-0.1	20.0	9.1	7.9	1.7	1.5	13.4	12.9	9.4	9.7
Bán lẻ	0.22	74,789	0.0	-0.7	2.1	60.8	36.7	25.7	3.2	2.7	23.4	30.3	14.2	14.9
Phần mềm và dịch vụ	0.05	71,448	1.1	-0.6	3.2	64.8	12.4	9.9	3.0	2.5	35.1	24.8	25.1	25.3
Thiết bị và phần cứng	0.02	5,405	0.3	2.7	3.4	77.9	15.9	13.5	3.5	3.0	26.1	18.7	23.2	24.4
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,184	1.4	5.6	5.9	367.3	13.8	11.5	3.7	2.9	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	0.18	161,950	3.2	3.2	-5.3	299.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.73	251,350	0.4	1.1	-8.8	20.9	25.5	10.1	4.4	3.6	NA	66.0	-18.4	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
TCB VN	49,250	4.8	23,553,400	2.1
GVR VN	27,000	6.9	6,321,300	1.9
STB VN	26,350	6.9	59,475,300	0.8
CTG VN	45,000	1.8	19,602,800	0.8
MSN VN	104,000	2.5	2,454,800	0.8
VPB VN	64,000	1.6	33,403,900	0.7
HPG VN	62,700	1.1	29,316,300	0.6
BID VN	42,650	1.3	3,331,500	0.6
GAS VN	86,400	1.3	616,200	0.6
NVL VN	130,000	1.2	2,169,300	0.4

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	129,800	-0.9	1,390,400	-1.1
VCB VN	97,300	-0.6	1,218,300	-0.6
VHM VN	97,700	-0.3	3,510,300	-0.3
EIB VN	25,350	-1.4	445,400	-0.1
SAB VN	151,700	-0.3	91,400	-0.1
BHN VN	64,000	-1.8	20,300	-0.1
SVC VN	77,500	-5.8	100	0.0
VCF VN	230,000	-2.5	600	0.0
DHG VN	97,100	-1.1	25,400	0.0
VIX VN	28,550	-2.9	7,616,100	0.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.